

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với
Trạm Y tế xã Ninh Sơn (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 10/06/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 610/QĐ-SYT ngày 07/05/2025 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Trạm Y tế xã Ninh Sơn (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên);

- Địa chỉ: Thôn 6, xã Ninh Sơn, Thành Phố Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế.
- Số GPHĐ: 000846/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Phùng Thị Hương
Số CCHN: 006610/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 26/11/2014;
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 68 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

- Danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

Trạm Y tế xã Ninh Sơn (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Nghiệp vụ Y, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế thành phố Thủy Nguyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Trạm Y tế xã Ninh Sơn (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC 01: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI TRẠM Y TẾ XÃ NINH SƠN (THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ
THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
2	160	1.160	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
3	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
4	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
5	403	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
6	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
7	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thổi ngạt
8	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
9	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
10	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
11	5027	3.3909	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ
12	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
13	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
14	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
15	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
16	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
17	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	6325	8.390	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới
19	6330	8.395	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
20	6331	8.396	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
21	6332	8.397	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
22	6333	8.398	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất
23	6335	8.400	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
24	6336	8.401	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khúu giác
25	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
26	6343	8.408	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
27	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ
28	6345	8.410	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress
29	6346	8.411	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
30	6347	8.412	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
31	6348	8.413	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V
32	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
33	6354	8.419	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình
34	6355	8.420	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực
35	6356	8.421	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang
36	6357	8.422	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản
37	6358	8.423	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
38	6359	8.424	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
39	6360	8.425	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
40	6362	8.427	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc
41	6363	8.428	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
42	6364	8.429	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp
43	6365	8.430	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
44	6366	8.431	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
45	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
46	6371	8.436	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
47	6372	8.437	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
48	6373	8.438	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
49	6374	8.439	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
50	6382	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
51	6384	8.449	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm
52	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
53	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
54	13365	13.4	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
55	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
56	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
57	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
58	13803	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
59	13810	14.207	14. MẮT	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
60	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
61	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai
62	13969	15.57	15. TAI MŨI HỌNG	Trích nhọt ống tai ngoài
63	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
64	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
65	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
66	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
67	14783	17.53	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có trợ giúp
68	16301	21.13	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dây thắt

**PHỤ LỤC 02: PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM
BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI TRẠM Y TẾ XÃ NINH SƠN (THUỘC TRUNG TÂM
Y TẾ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN)**

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Phùng Thị Hường	006610/HP-CCHN	KB,CB nội khoa	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Bác sĩ, trưởng trạm, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật		
2	Nguyễn Văn Dũng	007700/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
3	Nguyễn Thị Mai	010584/HP-CCHN	Theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
4	Hoàng Thị Thịnh	007683/HP-CCHN	KB,CB bằng YHCT	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ y học cổ truyền		
5	Bùi Thu Thương	007205/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
6	Nguyễn Thị Huệ	012566/HP-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám chữa bệnh thông thường	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-	Y sỹ		

			theo quy định tại TT liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT,BNV quy định mã số , tiêu chuẩn, chức danh, nghề nghiệp,bác sỹ,bác sỹ dự phòng, y sỹ	thứ 6) và trực theo phân công			
7	Nguyễn Thị Phương Anh	010399/HP-CCHN	Theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Nữ hộ sinh		